

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Quan Xệt;

2/ Ông Đỗ Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Dương Thị Bích T, sinh năm 1997; thường trú: ấp A, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; tạm trú: tổ 1, khu phố A, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1993; thường trú: ấp N, xã B, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; tạm trú: tổ 1, khu phố A, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-4-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Bích T trình bày:

Bà Dương Thị Bích T và ông Đoàn Văn Th sống chung vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Trì, huyện Tri

Tôn, tỉnh An Giang vào ngày 24-6-2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 42. Bà T làm công nhân, thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng bà T, ông Th chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 8/2020 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau, ông Th thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bà T phải tự lo mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Bà T và ông Th đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Bà T và ông Th đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Thọ.

Về con chung: bà T và ông Th có 01 con chung tên Đoàn Thị Phương T, sinh ngày 12-4-2020. Cháu T đang sống với ông Th. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con. Về mức cấp dưỡng nuôi con, bà T thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu ông Thọ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chứng cứ do nguyên đơn bà T giao nộp là bản sao giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh Đoàn Thị Phương T, bản photo sổ tạm trú.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Văn Th trình bày:

Ông Th thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn và ly thân. Ông Th làm công nhân, thu nhập 11.000.000 đồng/tháng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Ông Th vẫn chăm sóc gia đình, vợ con. Từ tháng 08/2020 đến nay giữa ông Th và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà T không biết chăm con, chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Ông T và bà T không còn chung sống với nhau và không ai quan tâm đến ai. Ông Th không còn tình cảm với bà T nên trước yêu cầu của bà T, ông Th đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông Th thống nhất với bà T về con chung. Trước khi ông Th và bà T ly thân, cháu T ở cùng với ông Th, bà T. Sau khi vợ chồng ly thân từ tháng 02/2021 đến nay thì ông Th nhờ mẹ ruột tên Huỳnh Thị Kh; địa chỉ: khu dân cư mới C, xã L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi đưa cháu T về ở cùng với bà K thì bà T không có ý kiến. Ông Th có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn bà T vì thu nhập hàng tháng ông Th cao hơn bà T nên ông Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Thị Phương T, ông Th không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Tòa án giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng thì ông Th không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do bị đơn ông Đoàn Văn Th giao nộp là bản sao bảng phiếu lương tháng 1, 2, 3, 4 năm 2021 và bản photo chứng minh nhân dân của ông Đoàn Văn Th.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Đoàn Văn Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đoàn Văn Th.

[2] Bà Dương Thị Bích T và ông Đoàn Văn Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang vào ngày 24-6-2019, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: bà T và Th đều thừa nhận trong thời gian chung sống giữa bà T và ông Th phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo lời trình bày của bà T, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau, ông Th thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bà T phải tự lo mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Theo lời trình bày của ông Th, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà T không biết chăm con, chăm sóc gia đình. Tuy bà T và ông Th không thống nhất về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nhưng bà T và ông Th đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Th trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Bà T yêu cầu ly hôn, ông Th đồng ý. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Th là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: bà T và ông Th thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Thị Phương T, sinh ngày 12-4-2020, hiện cháu T đang sống cùng ông Th. Bà T và ông Th đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Bà T hiện nay làm công nhân, thu nhập ổn định,

đảm bảo điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử giao con chung Đoàn Thị Phương T, sinh ngày 12-4-2020 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: theo tài liệu, chứng cứ là phiếu lương do bị đơn ông Đoàn Văn Th giao nộp, thì ông Th làm công nhân, thu nhập từ 7.000.000 đồng/tháng đến 12.000.000 đồng/tháng nên bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Bích T như sau:
 - Về hôn nhân: bà Dương Thị Bích T được ly hôn với ông Đoàn Văn Th.
 - Về con chung: giao con chung tên Đoàn Thị Phương T, sinh ngày 12-4-2020 cho bà Dương Thị Bích T nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Đoàn Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Đoàn Thị Phương T đủ 18 tuổi.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Dương Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052410 ngày 06-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: ông Đoàn Văn Th phải chịu 300.000 đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Diệp

